



Grant Thornton

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái

Cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái ("Công ty") cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong niên độ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch	Ngày 5 tháng 10 năm 2015
Ông Huỳnh Song Trà	Ủy viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2015

Ban Giám đốc	Chức danh	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	Ngày 5 tháng 10 năm 2015

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Khi lập báo cáo tài chính, ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
Cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017



Grant Thornton

Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính của
Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái
cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Grant Thornton (Vietnam) Limited
Tầng 18, Tháp Quốc tế Hòa Bình
106 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số 17-11-035

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái ("Công ty"), lập vào ngày 10 tháng 10 năm 2017, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Nguyễn Hồng Hà
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1710-2014-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Trần Phương Minh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2595-2014-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn		100	31.909.184.050
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	2.023.383.926
Tiền		111	2.023.383.926
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	17.386.848.516
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	11.990.521.654
Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	396.326.862
Phải thu ngắn hạn khác	7	136	5.000.000.000
Hàng tồn kho	8	140	8.949.152.266
Hàng tồn kho		141	8.949.152.266
Tài sản ngắn hạn khác		150	3.549.799.342
Chi phí trả trước ngắn hạn	9	151	473.668.165
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	3.076.131.177
Tài sản dài hạn		200	55.905.915.459
Các khoản phải thu dài hạn		210	677.257.851
Phải thu dài hạn khác		216	677.257.851
Tài sản cố định		220	51.051.875.539
Tài sản cố định hữu hình	10	221	38.542.981.953
- Nguyên giá		222	40.592.515.514
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(2.049.533.561)
Tài sản cố định thuê tài chính	11	224	12.508.893.586
- Nguyên giá		225	12.650.336.719
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	(141.443.133)
Tài sản dài hạn khác		260	4.176.782.069
Chi phí trả trước dài hạn	9	261	4.176.782.069
Tổng tài sản		270	87.815.099.509


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết Minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2016 VND
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả		300	42.121.793.409
Nợ ngắn hạn		310	28.145.884.045
Phải trả người bán ngắn hạn	12	311	5.822.641.763
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	241.560.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	89.536.338
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	320	21.992.145.944
Nợ dài hạn		330	13.975.909.364
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	338	13.975.909.364
Nguồn vốn chủ sở hữu		400	45.693.306.100
Vốn chủ sở hữu	14,15	410	45.693.306.100
Vốn góp của chủ sở hữu	15	411	35.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	10.693.306.100
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b	10.693.306.100
Tổng nguồn vốn		440	87.815.099.509



Yên Bái, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017


Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Minh
Kế toán trưởng


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết minh	Mã số	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	01	72.000.929.143
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	72.000.929.143
Giá vốn hàng bán	20	11	(49.747.875.145)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	22.253.053.998
Doanh thu hoạt động tài chính		21	18.319.321
Chi phí hoạt động tài chính	17	22	(1.088.675.023)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	(1.086.754.065)
Chi phí bán hàng	18,20	25	(7.663.895.759)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,20	26	(2.825.496.437)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	10.693.306.100
Thu nhập khác		31	-
Chi phí khác		32	-
Lợi nhuận khác		40	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế		50	10.693.306.100
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	51	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN		60	10.693.306.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	70	4.865



Yên Bái, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017


Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Minh
Kế toán trưởng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết minh	Mã số	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		01	10.693.306.100
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định		02	2.190.976.694
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(18.319.321)
Chi phí lãi vay		06	1.086.754.065
Lãi hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	13.952.717.538
Thay đổi các khoản phải thu		09	(21.140.237.544)
Thay đổi hàng tồn kho		10	(8.949.152.266)
Thay đổi các khoản phải trả		11	6.153.738.101
Thay đổi chi phí trả trước		12	(4.650.450.234)
Tiền lãi vay đã trả		14	(1.086.754.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	(15.720.138.470)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua sắm tài sản cố định		21	(53.242.852.233)
Tiền thu lãi tiền gửi		27	18.319.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(53.224.532.912)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	35.000.000.000
Tiền thu từ đi vay		32	74.426.930.847
Tiền trả nợ gốc vay		34	(31.393.978.727)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		35	(7.064.896.812)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	70.968.055.308
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		50	2.023.383.926
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	70	2.023.383.926



Yên Bái, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017


Nguyễn Tiến Dũng
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Minh
Kế toán trưởng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2015 dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200824701 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 10 năm 2015 và Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5048873534 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp ngày 22 tháng 10 năm 2015. Theo đó, vốn đăng ký đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 116.463.000.000 VNĐ và 35.000.000.000 VNĐ.

Ngày 14 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần thứ hai để tăng mức vốn đầu tư lên 143.463.000.000 VNĐ.

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất hạt nhựa Taical và bột đá CaCo₃.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại cụm công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 97 nhân viên.

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu ngày 5 tháng 10 năm 2015 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng ("VNĐ").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được qui đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại

ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ kỹ cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương bình quân gia quyền. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 50
Máy móc, thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải	6 -10
Thiết bị văn phòng	3-8

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty.

4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng), ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.11 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 18% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.13 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/ Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.15 Lãi/Lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.17 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

4.18 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.19 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.20 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2016
	VND
Tiền mặt	199.900.942
Tiền gửi ngân hàng	1.823.482.984
	2.023.383.926

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2016
	VND
Phải thu từ bên thứ ba	
Công ty Cổ phần LATCA Việt Nam	1.253.320.000
Phải thu khác	3.419.517.104
	4.672.837.104
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	7.317.684.550
	11.990.521.654

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31 tháng 12 năm 2016
	VND
Đặt cọc (*)	4.500.000.000
Phải thu khác	500.000.000
	5.000.000.000

(*) Khoản đặt cọc cho việc mua lại toàn bộ cổ phần của các cá nhân tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Khoáng sản Yên Bái. Danh sách khoản đặt cọc cho các cá nhân như sau:

	31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Bà Phạm Thị Yến	200.000	1.000.000.000
Ông Nguyễn Huy Chiến	200.000	1.000.000.000
Bà Đỗ Thúy Hằng	400.000	2.000.000.000
Ông Trần Ngọc Dũng	200.000	500.000.000
	1.000.000	4.500.000.000

8. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2016
	VND
Nguyên vật liệu	6.173.283.287
Công cụ, dụng cụ	95.000
Thành phẩm	2.775.773.979
	8.949.152.266

9. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Ngắn hạn	
Công cụ dụng cụ	409.901.001
Dịch vụ mua ngoài	63.767.164
	<u>473.668.165</u>
Dài hạn	
Công cụ dụng cụ	330.092.662
Chi phí giải phóng mặt bằng	3.209.597.616
Dịch vụ mua ngoài	637.091.791
	<u>4.176.782.069</u>
	<u>4.650.450.234</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
5 tháng 10 năm 2015	-	-	-	-
Mua mới	22.250.932.711	15.452.872.171	2.888.710.632	40.592.515.514
31 tháng 12 năm 2016	22.250.932.711	15.452.872.171	2.888.710.632	40.592.515.514
Khấu hao lũy kế				
5 tháng 10 năm 2015	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	(515.129.522)	(799.160.539)	(735.243.500)	(2.049.533.561)
31 tháng 12 năm 2016	(515.129.522)	(799.160.539)	(735.243.500)	(2.049.533.561)
Giá trị còn lại				
5 tháng 10 năm 2015	-	-	-	-
31 tháng 12 năm 2016	21.735.803.189	14.653.711.632	2.153.467.132	38.542.981.953

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
5 tháng 10 năm 2015	-
Tăng trong kỳ	12.650.336.719
31 tháng 12 năm 2016	12.650.336.719
Hao mòn lũy kế	
5 tháng 10 năm 2015	-
Khấu hao trong kỳ	(141.443.133)
31 tháng 12 năm 2016	(141.443.133)
Giá trị còn lại	
5 tháng 10 năm 2015	-
31 tháng 12 năm 2016	12.508.893.586

Thông tin về nghĩa vụ thuê tài chính được trình bày tại Thuyết minh 13 – Vay và nợ thuê tài chính.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

31 tháng 12 năm 2016
VNĐ

Phải trả bên thứ ba		
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nguyên Tâm Vũ		678.185.200
Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Đức Long		1.198.425.031
Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ sản xuất trồng rừng 327		925.704.273
Phải trả khác		2.973.127.258
		5.775.441.762
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)		
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu		47.200.001
		5.822.641.763

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2016		Trong năm		5 tháng 10 năm 2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	-	-	9.150.000.000	(9.150.000.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	17.321.102.319	17.321.102.319	17.321.102.319	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (ii)	1.998.888.701	1.998.888.701	24.242.867.428	(22.243.978.727)	-	-
Nợ thuê tài chính	2.672.154.924	2.672.154.924	2.672.154.924	-	-	-
	21.992.145.944	21.992.145.944	53.386.124.671	(31.393.978.727)	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (iii)	9.161.312.676	9.161.312.676	9.161.312.676	-	-	-
Nợ thuê tài chính	4.814.596.688	4.814.596.688	11.879.293.500	(7.064.896.812)	-	-
	13.975.909.364	13.975.909.364	21.040.606.176	(7.064.896.812)	-	-
	35.968.055.308	35.968.055.308	74.426.730.847	(38.458.875.539)	-	-

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng nguyên tắc số 01/206/7958039/ HDTD của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- BIDV ký ngày 20 tháng 11 năm 2016 có hạn mức tín dụng là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay được Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu bảo lãnh, theo đó Công ty CP Nhựa Châu Âu cam kết chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ đúng hạn các nghĩa vụ đến hạn của Công ty.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cung cấp tín dụng số 50/2016- HDTDHM/NHCT131- KSYB của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Vietinbank ký ngày 21 tháng 4 năm 2016 có hạn mức tín dụng là 13 tỷ VNĐ. Khoản vay có kỳ hạn 12 tháng từ ngày 21 tháng 4 năm 2016 đến 21 tháng 4 năm 2017 với mức lãi suất là 7.5%/ năm và không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 141/ 2016- HDTDDA/ NHCT131- KSYP từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Vietinbank ký ngày 14 tháng 7 năm 2016 có hạn mức tín dụng là 9,5 tỷ VNĐ, không có tài sản đảm bảo và chịu mức lãi suất là 9.5%/ năm. Khoản vay có thời hạn là 60 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân.

Các khoản nợ thuê tài chính

	31 tháng 12 năm 2016			5 tháng 10 năm 2015		
	Tổng nợ	Chi phí lãi	Nợ gốc	Tổng nợ	Chi phí lãi	Nợ gốc
	thuê tài chính			thuê tài chính		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.273.343.027	601.188.103	2.672.154.924	-	-	-
Từ 2 đến 5 năm	5.252.171.365	437.574.677	4.814.596.688	-	-	-
	8.525.514.392	1.038.762.780	7.486.751.612	-	-	-

Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease bao gồm 3 hợp đồng thuê tài chính như sau:

- (1) Hợp đồng thuê tài chính số A161005512 trị giá 2.272.077.500 VNĐ (chưa gồm thuế GTGT) ký ngày 14 tháng 11 năm 2016 đã được Công ty thanh toán trước 452.385.500 VNĐ. Giá trị gốc còn lại là 1.819.692.000 VNĐ sẽ được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 50.518.806 VNĐ, hoàn trả hàng tháng bắt đầu từ ngày 14 tháng 11 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng số tiền 154.609.571 VNĐ, thư đảm bảo của ông Nguyễn Tiến Dũng và Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu. Khoản vay chịu lãi suất là 8.78%/ năm.
- (2) Hợp đồng thuê tài chính số A161007712 trị giá 3.353.364.000 VNĐ (chưa gồm thuế GTGT) ký ngày 22 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty thanh toán trước 1.477.460.250 VNĐ. Giá trị gốc còn lại là 1.875.903.750 VNĐ sẽ được trả thành 36 lần bằng nhau với số tiền 52.108.438 VNĐ, hoàn trả hàng tháng bắt đầu từ ngày 20 tháng 1 năm 2017. Khoản vay được đảm bảo bằng số tiền 144.462.780 VNĐ, thư đảm bảo của ông Nguyễn Tiến Dũng và Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu. Khoản vay chịu lãi suất là 8.73%/ năm.
- (3) Hợp đồng tín dụng số A160605112 trị giá 6.254.052.000 VNĐ (chưa bao gồm thuế GTGT) ký ngày 12 tháng 8 năm 2016 đã được Công ty thanh toán trước 1.932.168.000 VNĐ. Giá trị gốc còn lại là 4.321.884.000 VNĐ sẽ được thanh toán thành 36 lần bằng nhau với số tiền 120.052.345 VNĐ, hàng tháng bắt đầu từ ngày 20 tháng 9 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng số tiền 378.185.500 VNĐ, thư đảm bảo của ông Nguyễn Tiến Dũng và Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu. Khoản vay có lãi suất là 8.69%/ năm.

14. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
5 tháng 10 năm 2015	-	-	-
Vốn góp trong năm	35.000.000.000	-	35.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	10.693.306.100	10.693.306.100
31 tháng 12 năm 2016	35.000.000.000	10.693.306.100	45.693.306.100

15. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 35 tỷ đồng, chia thành 3.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Các cổ phần phổ thông có quyền nhận cổ tức và quyền biểu quyết như nhau tại các cuộc họp cổ đông. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Vốn điều lệ đăng ký			Vốn đã góp	
	Cổ phần	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	3.250.000	32.500.000.000	93%	32.500.000.000	93%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	100.000	1.000.000.000	3%	1.000.000.000	3%
Ông Lê Hoàn	50.000	500.000.000	1%	500.000.000	1%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Bắc	100.000	1.000.000.000	3%	1.000.000.000	3%
	3.500.000	35.000.000.000	100%	35.000.000.000	100%

16. Doanh thu

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Doanh thu từ bán hàng hóa trong nước	70.541.659.798
Doanh thu từ bán hàng hóa xuất khẩu	1.459.269.345
	<u>72.000.929.143</u>

17. Chi phí hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Chi phí lãi vay	1.086.754.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.920.958
	<u>1.088.675.023</u>

18. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Chi phí đóng gói	1.270.440.718
Chi phí vận chuyển	5.746.435.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.000.000
Chi phí khác	547.019.564
	<u>7.663.895.759</u>

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Chi phí nhân công	1.345.791.198
Chi phí khấu hao	606.182.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	847.464.620
Chi phí khác	26.057.818
	<u>2.825.496.437</u>

20. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	28.609.701.794
Chi phí nhân công	11.272.321.344
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.190.976.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.781.783.690
Chi phí khác	26.057.818
	<u>62.880.841.340</u>

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế) và giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (2018 – 2021).

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thông thường là 22% cho 2 năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo. Theo đó, Công ty áp dụng thuế suất TNDN 20% sau khi kết thúc thời gian ưu đãi nêu trên.

Chi phí thuế hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong kỳ của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau::

	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.693.306.100
<i>Chênh lệch vĩnh viễn:</i>	
- Chi phí không được khấu trừ	-
<i>Chênh lệch tạm thời:</i>	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.281.504)
Thu nhập chịu thuế	10.692.024.596

Công ty không trích thuế TNDN cho kỳ báo cáo hiện hành vì đang trong giai đoạn được miễn thuế.

Việc xác định thu nhập chịu thuế và tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

22. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Nhà đầu tư	Góp vốn đầu tư	32.500.000.000
		Mua nguyên vật liệu	(72.909.092)
		Bán thành phẩm	51.463.814.500
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Nhà đầu tư	Góp vốn đầu tư	1.000.000.000
Ông Lê Hoàn	Nhà đầu tư	Góp vốn đầu tư	500.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Bắc	Nhà đầu tư	Góp vốn đầu tư	1.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải thu thương mại (Thuyết minh 6)			
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Nhà đầu tư	Bán thành phẩm	7.317.684.550
Phải trả thương mại (Thuyết minh 12)			
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Nhà đầu tư	Mua nguyên vật liệu	47.200.001

23. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thù lao nhận được của Ban Giám đốc như sau:

Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
VNĐ
380.700.000

Lương và thưởng

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Đơn vị	
Lãi thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	10.693.306.100
<i>Chia cho:</i> Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành trong năm	Cổ phiếu	2.198.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ/Cổ phiếu	4.865

25. Mục tiêu và chính sách quản trị rủi ro

Công ty chịu các rủi ro khác nhau liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính. Các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả của Công ty đã được phân loại theo khoản mục trên Thuyết minh số 4.17. Các rủi ro chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Các chính sách quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện bởi Hội đồng Thành viên, phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc và tập trung chủ yếu vào việc đảm bảo dòng tiền ngắn đến trung hạn của Công ty bằng cách giảm thiểu các tác động từ thị trường tài chính.

25.1 Rủi ro thị trường

Công ty chịu tác động của rủi ro thị trường thông qua việc sử dụng các công cụ tài chính, đặc biệt là rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biến động tỷ giá hối đoái

Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Tác động của rủi ro tiền tệ phát sinh từ hoạt động mua bán với nước ngoài của Công ty, chủ yếu bằng đô la Mỹ. Công ty không thiết lập chính sách quản trị rủi ro biến động tỷ giá do giao dịch với số lượng và giá trị nhỏ.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	USD	31 tháng 12 năm 2016 Tương đương VNĐ
Tài sản tài chính	28.466	645.882.649
Nợ tài chính phải trả	(2.800)	(63.728.000)
Ảnh hưởng ngắn hạn	25.666	582.154.649

Công ty không phân tích biến động về tỷ giá hối đoái do ảnh hưởng từ rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái đến báo cáo tài chính là không đáng kể.

Biến động về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý (rủi ro giá trị hợp lý lãi suất) hoặc dòng tiền tương lai (rủi ro dòng tiền lãi suất) của một công cụ tài chính sẽ biến động do tác động của thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro giá trị hợp lý lãi suất từ báo cáo tài chính với lãi suất cố định được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản vay với lãi suất cố định 18.646.752.989 VNĐ và một khoản vay lãi suất biến đổi là 17.321.102.319 VNĐ đồng. Công ty không có bất cứ công cụ tài chính nào cần phải được ghi nhận bằng giá trị hợp lý. Do đó, thay đổi rủi ro lãi suất không ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính của Công ty liên quan đến giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

25.2 Rủi ro tín dụng

Công ty chịu các rủi ro tín dụng trong giới hạn giá trị ghi sổ của tài sản tài chính ghi nhận tại ngày lập báo cáo tài chính, được tóm tắt như sau:

Loại tài sản tài chính – giá trị ghi sổ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.023.383.926
Phải thu thương mại	11.990.521.654
Phải thu khác	5.000.000.000
	19.013.905.580

Công ty thực hiện chính sách thu tiền thanh toán trước khi thực hiện các đơn đặt hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Chính sách của Công ty là giao dịch với các đối tác tin cậy và có khả năng thanh toán.

25.3 Rủi ro thanh khoản

Trong việc quản lý nhu cầu thanh khoản, Công ty theo dõi và duy trì một mức tiền và các khoản tương đương tiền được cho là đầy đủ bởi ban quản trị để chi trả cho các hoạt động của công ty và phòng tránh những tác động của những biến động trong dòng tiền.

Tại ngày 31 tháng 12, các khoản nợ của Công ty có thời gian đáo hạn được tóm tắt như sau:

31 tháng 12 năm 2016	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Dưới 6 tháng	6-12 tháng	1- 5 năm	Trên 5 năm
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả thương mại	5.822.641.763	-	-	-
Vay ngắn hạn	-	21.992.145.944	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	13.975.909.364	-
	5.822.641.763	21.992.145.944	13.975.909.364	-

26. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 lần thứ ba để điều chỉnh tên dự án, mục tiêu dự án, quy mô dự án, diện tích mặt đất sử dụng và tiến độ thực hiện dự án.

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư lần đầu số 0558173156 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp phê duyệt việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá Cacbonat Canxi với tổng vốn đầu tư là 197.395.000.000 VNĐ trong thời hạn 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2017, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai số 5200824701 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VNĐ. Theo đó, các cổ đông đã góp vốn theo đăng ký mới với tỷ lệ sở hữu như sau:

	Vốn đã góp	
	VNĐ	%
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	60.709.810.000	60,71%
Ông Nguyễn Tiến Dũng	2.360.000.000	2,36%
Ông Lê Hoàn	910.000.000	0,91%
Bà Nguyễn Khánh Vân	526.110.000	0,53%
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	26.892.080.000	26,89%
Ông Hoàng Anh Quân	2.752.000.000	2,75%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Minh	5.850.000.000	5,85%
	100.000.000.000	100,00%

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

27. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Yên Bái, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017



Nguyễn Tiến Dũng
Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Minh
Kế toán trưởng

